Tra cứu Biểu thuế XNK Việt Nam

Chi tiết mã HS 5306.20.00

Mã HS	5306.20.00
Mô tả hàng hóa	Sợi lanh / - Sợi xe (folded) hoặc sợi cáp
Đơn vị	kg
Thời điểm tạo	05/11/2026 15:26:38
Phiên bản dữ liệu	2026.04.05 – BIEU THUE XNK 2026.04.05.xlsx
Trạng thái xác minh	Dữ liệu biểu thuế đối chiếu file nguồn; khuyến cáo/mapping là thông tin định hướng; điều kiện FTA chưa xác minh.
Liên kết	https://vietnamtariff.com/hs-code/53062000/

Thuế áp dụng năm 2026

Biểu thuế	Giá trị gốc	Thuế suất	Văn bản	hiệu lực	Nguồn
Thuế NK thông thường	4.5	4,5%	15/2023/QĐ-TTg	2023-07-15	BT2026!K8269
Thuế NK ưu đãi (MFN)	3	3%	26/2023/NĐ-CP	2023-07-15	BT2026!N8269
Thuế GTGT (VAT)	8/10	8 / 10 (nhiều mức)	181/2025/NĐ-CP	2025-07-01	BT2026!Q8269
Thuế tiêu thụ đặc biệt		Không có dữ liệu			
Thuế bảo vệ môi trường		Không có dữ liệu			
Thuế xuất khẩu		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi CPTPP		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi EVFTA		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi UKVFTA		Không có dữ liệu			

Thuế suất ưu đãi đặc biệt (FTA) – 2026

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
AANZFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AANZ	121/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
ACFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	E	118/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AHKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	AHK	123/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/01/2026 - 31/12/2026	AI	122/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AJCEP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	AJ	120/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AK	119/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ATIGA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	D	126/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
CPTPP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	(VI)	CPTPP	115/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
EVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	116/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục A)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục B)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục C)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục D)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục E)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục F)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
UKVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	117/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
VCFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VC	112/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VJEPA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	JV · Form VJ	124/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VK	125/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-EAEU	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EAV	113/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-LAO	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026		S	206/2025/NĐ-CP	Thuế suất %
VIFTA	2.1	2,1%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	Form VI (verify)	131/2024/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-CAM		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		S	56/2026/NĐ-CP	Không có dữ liệu
VNCU		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		VNCB · Form VC (Cuba)	114/2022/NĐ-CP	Không có dữ liệu

Lịch sử / lộ trình thuế suất theo năm

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
ACFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AC!E7879
ATIGA	2022	2022	0	AT!E7832
ATIGA	2023	2023	0	AT!F7832
ATIGA	2024	2024	0	AT!G7832
ATIGA	2025	2025	0	AT!H7832
ATIGA	2026	2026	0	AT!I7832
ATIGA	2027	2027	0	AT!J7832
AJCEP	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	AJ!E7882
AJCEP	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	AJ!F7882

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
AJCEP	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	AJ!G7882
AJCEP	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	AJ!H7882
AJCEP	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	AJ!I7882
AJCEP	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	AJ!J7882
VJEPA	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	VJ!E7883
VJEPA	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	VJ!F7883
VJEPA	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	VJ!G7883
VJEPA	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	VJ!H7883
VJEPA	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	VJ!I7883
VJEPA	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	VJ!J7883
AKFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AK!F7884
AANZFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AANZ!H7838
AIFTA	30/12/2022	2022	0	AI!F7846
AIFTA	31/12/2022 - 30/12/2023	2023	0	AI!G7846
AIFTA	31/12/2023 - 30/12/2024	2024	0	AI!H7846
AIFTA	31/12/2024 - 31/12/2025	2025	0	AI!I7846
AIFTA	01/01/2026 - 31/12/2026	2026	0	AI!J7846
AIFTA	01/01/2027 - 31/12/2027	2027	0	AI!K7846
VKFTA	2022	2022	0	VK!E7868
VKFTA	2023	2023	0	VK!F7868
VKFTA	2024	2024	0	VK!G7868
VKFTA	2025	2025	0	VK!H7868
VKFTA	2026	2026	0	VK!I7868
VKFTA	2027	2027	0	VK!J7868
VCFTA	2022	2022	0	VC!D7914
VCFTA	2023	2023	0	VC!E7914

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
VCFTA	2024	2024	0	VC!F7914
VCFTA	2025	2025	0	VC!G7914
VCFTA	2026	2026	0	VC!H7914
VCFTA	2027	2027	0	VC!I7914
VN-EAEU	2022	2022	0	EAV!D7894
VN-EAEU	2023	2023	0	EAV!E7894
VN-EAEU	2024	2024	0	EAV!F7894
VN-EAEU	2025	2025	0	EAV!G7894
VN-EAEU	2026	2026	0	EAV!H7894
VN-EAEU	2027	2027	0	EAV!I7894
AHKFTA	2022	2022	0	AKH!D7907
AHKFTA	2023	2023	0	AKH!E7907
AHKFTA	2024	2024	0	AKH!F7907
AHKFTA	2025	2025	0	AKH!G7907
AHKFTA	2026	2026	0	AKH!H7907
AHKFTA	2027	2027	0	AKH!I7907
EVFTA	2022	2022	0	EV-NK!D7911
EVFTA	2023	2023	0	EV-NK!E7911
EVFTA	2024	2024	0	EV-NK!F7911
EVFTA	2025	2025	0	EV-NK!G7911
EVFTA	2026	2026	0	EV-NK!H7911
EVFTA	2027	2027	0	EV-NK!I7911
UKVFTA	2022	2022	0	UKV!D7912
UKVFTA	2023	2023	0	UKV!E7912
UKVFTA	2024	2024	0	UKV!F7912
UKVFTA	2025	2025	0	UKV!G7912

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
UKVFTA	2026	2026	0	UKV!H7912
UKVFTA	2027	2027	0	UKV!I7912
CPTPP	(I)	2021 (DERIVED)	0	CPTPP!D7862
CPTPP	(II)	2022 (DERIVED)	0	CPTPP!E7862
CPTPP	(III)	2023 (DERIVED)	0	CPTPP!F7862
CPTPP	(IV)	2024 (DERIVED)	0	CPTPP!G7862
CPTPP	(V)	2025 (DERIVED)	0	CPTPP!H7862
CPTPP	(VI)	2026 (DERIVED)	0	CPTPP!I7862
CPTPP	(VII)	2027 (DERIVED)	0	CPTPP!J7862
RCEP A	2022	2022	0	RCEPT-A!D7899
RCEP A	2023	2023	0	RCEPT-A!E7899
RCEP A	2024	2024	0	RCEPT-A!F7899
RCEP A	2025	2025	0	RCEPT-A!G7899
RCEP A	2026	2026	0	RCEPT-A!H7899
RCEP A	2027	2027	0	RCEPT-A!I7899
RCEP B	2022	2022	0	B!D7899
RCEP B	2023	2023	0	B!E7899
RCEP B	2024	2024	0	B!F7899
RCEP B	2025	2025	0	B!G7899
RCEP B	2026	2026	0	B!H7899
RCEP B	2027	2027	0	B!I7899
RCEP C	2022	2022	0	C!D7899
RCEP C	2023	2023	0	C!E7899
RCEP C	2024	2024	0	C!F7899
RCEP C	2025	2025	0	C!G7899
RCEP C	2026	2026	0	C!H7899

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
RCEP C	2027	2027	0	C!I7899
RCEP D	2022	2022	0	D!D7899
RCEP D	2023	2023	0	D!E7899
RCEP D	2024	2024	0	D!F7899
RCEP D	2025	2025	0	D!G7899
RCEP D	2026	2026	0	D!H7899
RCEP D	2027	2027	0	D!I7899
RCEP E	2022	2022	0	E!D7902
RCEP E	2023	2023	0	E!E7902
RCEP E	2024	2024	0	E!F7902
RCEP E	2025	2025	0	E!G7902
RCEP E	2026	2026	0	E!H7902
RCEP E	2027	2027	0	E!I7902
RCEP F	2022	2022	0	F!D7899
RCEP F	2023	2023	0	F!E7899
RCEP F	2024	2024	0	F!F7899
RCEP F	2025	2025	0	F!G7899
RCEP F	2026	2026	0	F!H7899
RCEP F	2027	2027	0	F!I7899
VIFTA	2024	2024	2.7	VI!F7295
VIFTA	2025	2025	2.4	VI!G7295
VIFTA	2026	2026	2.1	VI!H7295
VIFTA	2027	2027	1.8	VI!I7295

Khuyến cáo & cảnh báo

Mã rủi ro	Mức	Tên rủi ro	Mô tả	Dữ liệu liên quan	Căn cứ pháp lý	Khuyến nghị	Trạng thái xác minh
DOC-004	YELLOW	Chính sách mặt hàng khác	DM HH mua bán, trao đổi qua cửa khẩu phụ, lối mở biên giới của thương nhân (42/2019/TT-BCT, 33/2025/TT-BCT)		42/2019/TT-BCT, 33/2025/TT-BCT	Đọc văn bản được dẫn chiếu.	Văn bản dẫn chiếu trong file nguồn; chưa xác minh hiệu lực
OR-001	YELLOW	Chưa có nước xuất xứ	Chưa thể đánh giá FTA khi chưa có nước xuất xứ.			Nhập nước xuất xứ để so sánh các biểu thuế ưu đãi đặc biệt.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TAX-001	YELLOW	Nhiều mức thuế GTGT	Cột VAT ghi “8/10”.		181/2025/NĐ-CP	Xác định mức VAT theo bản chất hàng hóa và quy định giảm thuế (174/2025/NĐ-CP, Phụ lục I/II).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TR-004	GRAY	Not Assessed – Additional Regulatory Verification Required	File nguồn không ghi nhận biện pháp phòng vệ thương mại cho mã 5306.20.00. Điều này KHÔNG có nghĩa là không có rủi ro.			Kiểm tra cơ sở dữ liệu phòng vệ thương mại của Bộ Công Thương (Cục Phòng vệ thương mại).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
DQ-001	GREEN	Thuế MFN có trong biểu nguồn	Thuế suất MFN 3% của mã 5306.20.00 được đối chiếu với BT2026 (ô BT2026!N8269), căn cứ 26/2023/NĐ-CP.		26/2023/NĐ-CP	Phạm vi xác minh: đối chiếu với file nguồn phiên bản 2026.04.05, không thay thế văn bản pháp luật.	Đã đối chiếu với file biểu thuế nguồn

Chính sách mặt hàng

Chính sách mặt hàng
DM HH mua bán, trao đổi qua cửa khẩu phụ, lối mở biên giới của thương nhân (42/2019/TT-BCT, 33/2025/TT-BCT)

Báo cáo mang tính tham khảo, được tạo tự động từ dữ liệu biểu thuế nguồn và quy tắc khuyến cáo. Đây không phải quyết định của cơ quan hải quan, không xác nhận mã HS, điều kiện hưởng FTA hay hiệu lực pháp lý. Người dùng chịu trách nhiệm đối chiếu văn bản pháp luật hiện hành.